**BÀI 4 : YẾU TỐ KÌ ẢO TRONG TRUYỆN KỂ**

***Thời lượng: 9 tiết***

1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC**

***Sau bài học, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:***

1. ***Năng lực***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì như: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật,…; đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong các thể loại truyện khác.

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học.

- Vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học.

- Viết được bài văn nghị luận về việc tiếp nhận ảnh hưởng và sáng tạo trong một (hoặc một nhóm) tác phẩm văn học.

- Biết trình bày bài nói so sánh, đánh giá các tác phẩm văn học, qua đó làm nổi bật những yếu tố vay mượn, cải biết, sáng tạo của một tác phẩm so với tác phẩm mà nó chịu ảnh hưởng.

1. ***Phẩm chất***

- Có ý thức và thái độ trân trọng, yêu quý, bảo vệ thiên nhiên; có lối sống hòa hợp với thế giới tự nhiên.

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**
2. **Chuẩn bị của giáo viên**

- KHBD, Bài giảng Power Point

- Phương tiện dạy học: Máy chiếu/Ti vi, máy tính kết nối mạng

- Học liệu: tranh ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ, bảng biểu, phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

1. **Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 12, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

- Thời lượng: 9 tiết

- GV có thể tham khảo phân bổ thời lượng dạy học như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **DỰ KIẾN PHÂN BỔ THỜI LƯỢNG DẠY HỌC** | |
| Đọc | - Hải khẩu linh từ - Đền thiêng cửa biển (Trích - Đoàn Thị Điểm).  - Muối của rừng (Trích - Nguyễn Huy Thiệp) |
| Thực hành tiếng Việt | - Nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học. |
| Viết | - Viết bài văn nghị luận về việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học. |
| Nói và nghe | - Trình bày việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học |
| Đọc thực hành | - Bến trần gian (Trích - Lưu Sơn Minh) |

***Tiến trình cụ thể***

**TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

1. **Mục tiêu**

**-** Nắm được những tri thức về truyện truyền kì: khái niệm; yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì; đặc điểm ngôn ngữ trong truyện truyền kì…

1. **Nội dung hoạt động**

- HS làm việc theo yêu cầu của GV.

- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

1. **Sản phẩm**

- Kết quả làm việc của học sinh

1. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Tìm hiểu về Tri thức Ngữ Văn***  ***Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức Ngữ văn, sau đó tổ chức cho HS tham gia trò chơi: *Ai nhanh hơn*  *?* ***(bằng phiếu, trên PP hoặc trên website)***.  **Cách thức:** chọn ô câu hỏi, điền thông tin còn thiếu vào chỗ trống.  - Truyện truyền kì là thể loại (1) có nguồn gốc từ văn học Trung Quốc, được tiếp nhận và phát triển ở các nước thuộc khu vực chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán. Thuật ngữ (2) xuất hiện vào cuối đời Đường, dùng để định danh một loại truyện mới, phát triển từ loại truyện (3), (4) vốn hình thành trước đó.  - Truyện truyền kì phát triển trên nền tảng (5), truyền thuyết,…của văn học dân gian và tién ngưỡng văn hóa trong đời sống tinh thần của các dân tộc. Trong truyện truyền kì, yếu tố (6) được sử dụng như một phương thức nghệ thuật có tính đặc thù nhằm thể hiện các vấn đề của thực tại.  - Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì.  + Trong truyện truyền kì, yếu tố kì ảo hiện diện ở mọi thành phần (7) chủ yếu của tác phẩm như nhân vật, sự việc và cả ở thủ pháp nghệ thuật.   * Nhân vật kì ảo: nhân vật có năng lực (8), xuất thân kì lạ, diện mạo khác thường, hành tung biến hóa,..Trong truyện truyền kì, nhân vật kì ảo và nhân vật (9) đối thoại, tương tác,… với nhau một cách tự nhiên, không có sự cách biệt. Thân phận (khác thường, lạ lùng) của con người cũng trở thành một đối tượng phản ánh đặc biệt nhằm thể hiện các (10), khắc họa bức tranh phong phú về đời sống. Nếu như nhân vật trong thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích và truyện chí quái thường thuộc về một tuyến nhất định (xấu - tốt, cao cả - thấp hèn,…), đơn điệu (có chức năng, thực thi bổn phận,…) thì nhân vật trong truyện truyền kì được chú trong xây dựng với những góc cạnh đa dạng, thể hiện dụng ý (11). * Sự việc kì ảo: các (12), sự kiện, hành động,…kì ảo liên kết với nhau thành chuỗi, tạo nên cốt truyện có tính chất li kì, huyền hoặc. Sự việc kì ảo thường xẩy ra trong một không gian và thời gian (13), bất thường. Về không gian, có không gian (14) với cảnh tượng kì thú; không gian âm phủ với khung cảnh hãi hùng; thiên nhiên sóng cuộn gió gào gợi cảm giác sợ hãi;… Về thời gian, có thời gian ban đêm mang đến ấn tượng huyền bí; thời gian hư ảo gợi ấn tượng về sự tĩnh tại, vĩnh hằng;…(15) của truyện truyền kì thường gắn chặt với yếu tố văn hóa, tín ngưỡng, truyền thống lịch sử,…của từng dân tộc. * Thủ pháp nghệ thuật: Sự kết hợp linh hoạt giữa yếu tố kì ảo (thường được nhận diện tương đối gồm *kì -* kì lạ, khác thường, siêu phàm, …và *quái -* quái dị, ma quỷ, yêu tinh,…) với yếu tố (16) là thủ páp quan trọng của truyện truyền kì. Biểu hiện cụ thể là sự hòa trộn không gian các cõi (thần tiên, trần tục, âm phủ,…); sự thống nhất về thời gian thực và mộng, biến động xoay vần và tĩnh tại bất biến. Việc sử dụng giấc mộng, đan xen thực tại với hồi ức,… cũng là thủ pháp khá phổ biến giúp các tác giả tạo dựng nên một thế giới nghệ thuật có tính phức hợp.   + Truyện truyền kì chủ yếu hướng đến các nội dung xã hội - lịch sử. Do đó, yếu tố kì ảo được tác giả sử dụng như một phương thức nhằm lí giải một nội dung hiện thực nhất định; yếu tố kì ảo tham gia vào câu chuyện đã tạo nên sự lôi cuốn, sức hấp dẫn, sự li kì,…của tác phẩm. Trong truyện hiện đại, yếu tố kì ảo vẫn được các nhà văn tiếp tục khai thác, sử dụng theo nhiều cách khác nhau.  - Đặc điểm ngôn ngữ trong truyện truyền kì  + Truyện truyền kì thường có sự đan xen tản văn với (17) và vận văn. Trong một truyện, có thể xuất hiện nhiều (18) biền văn hoặc thơ ca được dẫn một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, phụ thuộc vào tình tiết, diễn biến của câu chuyện hoặc đối thoại giữa các nhân vật.  + Những đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ truyện truyền kì: thường sử dụng lối nói so sánh - ẩn dụ; ưa hình thức biểu đạt (19), khoa trương, phóng đại; chuộng ngôn từ hoa mĩ; dùng nhiều điển cố, hình ảnh biểu trưng;…Nhìn chung, tính văn chương, giá trị (20) của tác phẩm được tác giả truyện truyền kì đặc biệt chú trọng.  ***Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ***  - HS chuẩn bị bài ở nhà và đọc Tri thức Ngữ văn, gấp sách, chọn ô số và trả lời  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS trình bày câu trả lời điền vào các từ/cụm từ phù hợp.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện.***  - GV chốt đáp án.  - GV lí giải kĩ hơn về các khái niệm nếu HS có nhu cầu. | **Đáp án Tri thức Ngữ văn**   1. Văn xuôi tự sự 2. Truyền kì 3. Chí quái 4. Chí dị 5. Thần thoại 6. Kì ảo 7. Cấu tạo 8. Siêu nhiên 9. Phàm trần 10. Ý niệm 11. Nghệ thuật thâm thúy 12. Biến cố 13. Khác lạ 14. Cõi tiên 15. Cốt truyện 16. Thực 17. Biền văn 18. Tác phẩm 19. Cầu kì 20. Biểu cảm |

**ĐỌC**

**HẢI KHẨU LINH TỪ - ĐỀN THIÊNG CỬA BỂ**

**(Trích *-* Đoàn Thị Điểm)**

**Yêu cầu của bài học**

- HS nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của truyện truyền kì trên các phương diện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả,…

- HS nhận biết và phân tích được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố hiện thực và yếu tố ảo trong truyện truyền kì (thể hiện qua văn bản đọc).

- HS đồng cảm khát vọng công lí, hòa bình của con người.

**TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG**

**\* Hoạt động Mở đầu**

1. **Mục tiêu**

**- Giúp HS có được tâm thế và bước đầu xác định được trọng tâm bài học**

1. **Nội dung hoạt động**

- HS theo dõi các video trên mạng xã hội YourTube do GV giới thiệu.

- HS trao đổi, thảo luận và trình bày suy nghĩ của mình.

1. **Sản phẩm**

- HS trao đổi suy nghĩ của mình

1. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  **-** GV yêu cầu HS làm việc thảo luận với người ngồi cạnh và thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS chia sẻ quan điểm của mình, cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV cho HS nhận xét chéo, chốt kiến thức như mục **Dự kiến sản phẩm.** | ***\* Hãy chia sẻ cảm nhận về một số truyện dân gian có yếu tố kì ảo mà bạn từng đọc.***  ***- Cảm nhận về một số truyện dân gian có yếu tố kì ảo.***  + Truyện "Tấm Cám":   * Câu chuyện kể về cuộc đời đầy bất hạnh của Tấm nhưng cuối cùng vẫn được hưởng hạnh phúc viên mãn. Truyện có nhiều chi tiết kì ảo như: * Tấm được Bụt giúp đỡ, cho cá bống, cho chim sẻ nhặt thóc, cho đồ đẹp đi trả hội, biến hóa thành chim Vàng Anh, thành khung cửi, thành cây thị, quả thị rồi trở về làm Hoàng hậu,… * Truyện thể hiện niềm tin vào công lý, ở hiền gặp lành. Đồng thời, ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam như: hiền lành, chăm chỉ, chịu khó. Chi tiết kì ảo góp phần tạo nên sức hấp dẫn cho câu chuyện, đồng thời thể hiện quan niệm của người xưa về sự trừng phạt kẻ ác và đền đáp cho người hiền. * Truyện dân gian có yếu tố kì ảo là một phần không thể thiếu trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam. Những câu chuyện này không chỉ mang giá trị giải trí mà còn ẩn chứa nhiều giá trị nhân văn sâu sắc. Qua những câu chuyện này, chúng ta có thể hiểu thêm về quan niệm sống, ước mơ và niềm tin của người xưa.   ***\* Kể tên một số truyện truyền kì có yếu tố kì ảo mà bạn biết. Bạn có ấn tượng với tác phẩm nào nhất? Vì sao?***  - Truyền kì mạn lục  - Chuyện cây gạo (Nguyễn Dữ)  + Chuyện Lệ Nương (Nguyễn Dữ)  + Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ)  + Từ Thức gặp tiên (Nguyễn Dữ)  ...  ***\* Tác phẩm ấn tượng nhất là "Chuyện người con gái Nam Xương".***  - Bởi vì  + Câu chuyện cảm động về số phận oan nghiệt của Vũ Nương   * Nàng là người phụ nữ đức hạnh, nết na, yêu thương chồng con. * Vướng vào lời nói vô tình của con trẻ mà bị nghi oan, dẫn đến kết cục bi thảm. * Nàng chọn cái chết để giữ gìn phẩm giá của mình.   - Thể hiện giá trị nhân văn sâu sắc   * Ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam. * Phê phán xã hội phong kiến bất công, trọng nam khinh nữ. * Khẳng định niềm tin vào lẽ công bằng.   - Nghệ thuật kể chuyện đặc sắc   * Kết hợp yếu tố hiện thực và kì ảo. * Lời văn giản dị, giàu sức gợi cảm. * Xây dựng nhân vật sinh động, có chiều sâu tâm lí. |

**\*Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu thông tin về tác giả, văn bản**

1. **Mục tiêu**

* HS nắm bắt được thông tin về tác giả Đoàn Thị Điểm.
* HS biết và hiểu được thể loại truyền kì qua Truyền kì tân phả của tác giả.
* HS nắm được các thông tin liên quan đến tác phẩm Hải khẩu linh từ ( *Đền thiêng cửa bể).*

#### Nội dung hoạt động

+ HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

+ HS dựa vào SGK và tìm hiểu qua internet để nắm được thông tin.

+ GV hướng dẫn học sinh thực hiện và trình bày.

#### Sản phẩm

+ Kết quả hoạt động của học sinh.

1. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc **ở nhà,***(Sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để diễn đạt)*, khi đến lớp thuyết trình ngắn gọn:  + Thông tin về tác giả (tiểu sử, tác phẩm chính, đóng góp).  + Tác phẩm (tên gọi,văn bản).  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS tham khảo SGK, nền tảng công nghệ số để thực hiện nhiệm vụ  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Báo cáo kết quả học tập tại lớp. GV gọi 1-2 em trình bày sản phẩm *(Qua Ti vi/ Máy chiếu)*. GV tổ chức cho HS góp ý, nhận xét và bổ sung để hoàn thiện.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS. | **I.Vài nét về tác giả và văn bản**  ***1. Tác giả***  - Đoàn Thị Điểm (1705-1748), biệt hiệu Hồng Hà nữ sĩ  - Quê ở Hưng Yên  - Sinh ra trong gia đình khoa bảng, đỗ đạt.  - Bản thân bà dạy học cho cung nữ trong phủ chúa Trịnh  - Tác phẩm  + *Truyền kì tân phả* (diễn âm)  + *Chinh phụ ngâm khúc* (nguyên tác Hán văn của Đặng Trần Côn).  ***- Đoàn Thị Điểm là người tài sắc, biết nghề làm thuốc, văn chương nổi tiếng đương thời.***  ***2.Tác phẩm***  ***- Truyền kì tân phả (*** *Cuốn phả mới về truyện “Truyền kì”)* còn có tên khác là *Tục Truyền kì lục* (Ghi chép nối tiếp sách “*Truyền kì”).*  *-*  ***Hải khẩu linh từ*** ( Đền thiêng cửa bể) |

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

1. *Mục tiêu*

Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì như đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật…; đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì *Đền thiêng cửa bể*, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian.

1. *Nội dung*

Tập trung làm rõ các vấn đề như *Đề tài và cốt truyện – Nhân vật – Ngôn ngữ – Thủ pháp nghệ thuật – Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì*.

**Vấn đề 1. Đề tài và cốt truyện**

Văn bản viết về đề tài gì? Nhận xét về cốt truyện.

**Vấn đề 2. Nhân vật**

1. Xác định hệ thống nhân vật trong truyện. Nhân vật chính là ai?
2. Nhân vật Bích Châu được khắc hoạ như thế nào? Tìm hiểu theo các gợi ý sau:
   * Lời giới thiệu về lai lịch, chân dung.
   * Lời can gián, suy nghĩ và hành động của nàng Bích Châu.
   * Chi tiết nàng Bích Châu hiển linh giúp vua thắng trận và việc vua lập đền thờ nàng.
   * Từ đó, nhận xét về phẩm chất, đức tính của mẫu hình người phụ nữ mà tác giả đã xây dựng trong truyện.

**Vấn đề 3. Ngôn ngữ**

Nhận xét về nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (lời kể và lời đối thoại trong văn bản).

**Vấn đề 4. Thủ pháp nghệ thuật**

Sự đan xen giữa yếu tố thực và yếu tố kì ảo (không gian, thời gian, giấc mộng) đóng vai trò như thế nào trong việc thể hiện thông điệp của tác phẩm?

**Vấn đề 5. Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì**

1. Lập bảng thống kê các sự kiện, nhân vật, chi tiết,... có tính chất linh thiêng, kì ảo xuất hiện trong văn bản.
2. Trong số các chi tiết, sự việc kì ảo của *Đền thiêng cửa bể*, chi tiết hoặc sự việc nào hấp dẫn hơn cả? Vì sao?
3. Đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian.
4. *Sản phẩm*

Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở.

#### Vấn đề 1. Đề tài và cốt truyện

* + Đề tài: Quá trình thống nhất giang sơn của các triều đại phong kiến, sự kiện lịch sử diễn ra ở đời Trần và đời Lê.
  + Cốt truyện: Các biến cố, sự kiện, hành động,... kì ảo liên kết với nhau thành chuỗi, tạo nên cốt truyện có tính chất li kì, huyền hoặc; cốt truyện của truyện truyền kì *Đền thiêng cửa bể* gắn với các yếu tố văn hoá, tín ngưỡng về đền thờ bà Nguyễn Thị Bích Châu.

#### Vấn đề 2. Nhân vật

1. Hệ thống nhân vật trong truyện: vua Trần Duệ Tông, Bích Châu, các phụ lão, Giao thần, vua Lê Thánh Tông, Nguyễn Trọng Ý, Lương Thế Vinh, Quảng Lợi vương,… Nhân vật chính là nàng Bích Châu.
2. Nhân vật Bích Châu
   * *Lời giới thiệu về lai lịch, chân dung:* Nguyễn Cơ – cung phi triều Trần, con gái nhà quan, tên chữ Bích Châu, tính tình đoan trang, dung nhan tươi tắn, thông hiểu âm luật,…

 Cách mở đầu trực tiếp, ngắn gọn theo phương pháp truyền thống của văn học trung đại, tạo cảm giác chân thực.

* + *Đối thơ với vua:* thông minh, giỏi thơ văn.

*Lời can gián, suy nghĩ và hành động của nàng Bích Châu:*

*+ Lời can gián:* Bích Châu thấy chính sự quốc gia tiếp theo thói tệ thời Hôn Đức nên ngày càng suy kém, bèn viết bài biểu *Kê minh thập sách* dâng lên. Khi nhà vua muốn dấy binh thảo phạt Chiêm Thành đang quấy phá bờ cõi, Bích Châu dâng biểu can gián, khuyên vua nên rộng lượng, dừng việc binh đao để dân chúng được yên vui.

 Bích Châu là con người vừa có tính cách cương trực, vừa có lòng bao dung, thương yêu dân chúng, ghét cảnh chiến tranh.

+ *Suy nghĩ*: “Nghĩa là vua tôi, ơn là chồng vợ, đã không lấy lòng trung can gián nổi để giữ nền bình trị, lại không khéo lấy lời ngay để ngăn lòng hiếu chiến, thật là sống thừa trong cõi đất trời vậy”.

 Nàng biết suy nghĩ những điều gốc rễ của chính sự quốc gia, lo lắng cho nền trị bình của đất nước.

+ *Hành động:* Trong tình thế cấp bách (Giao thần buộc nhà vua phải cống nạp phi tần, đúng vào lúc đất nước gặp nạn), mặc dù nhà vua không chấp thuận nhưng Bích Châu đã không “tham luyến phồn hoa”, chẳng “tiếc thân bồ liễu”; nàng cũng không cần so đo tính toán mà quyết gieo mình xuống biển, tự nộp thân mình cho Giao thần để giải gỡ mối nguy trước mắt của quan quân.

 Bích Châu là con người quyết liệt, một lòng vì nghĩa vong thân, vì an nguy của đất nước mà dũng cảm hi sinh.

* *Hiển linh giúp vua thắng trận và việc được lập đền thờ:* Nàng Bích Châu hiển linh hai lần trong hai sự kiện “vãng *–* hoàn” của vua Lê Thánh Tông:

Lần thứ nhất, nàng giãi bày mối oan khuất với vua Lê, được nhận “ơn tái tạo” (nàng âm thầm phù trợ giúp nhà vua “đi đến đâu như gió mùa thu bẻ cành khô, núi Thái Sơn đè quả trứng, bắt sống tù trưởng, hát khúc khải hoàn”).

Lần thứ hai, nàng tỏ bày sự “không được yên lòng về chỗ vua tôi, chồng vợ” vì ý kết của bài thơ nhà vua ngự đề trên miếu thờ. Ý thơ ngự đề chuyển từ việc ca tụng công tích của Bích Châu sang việc ghi nhận khí tiết, phẩm giá của nàng.

* *Lập đền thờ:* Nhà vua “về đến kinh đô, nhà vua hạ chiếu cho lập đền thờ phu nhân,... Mãi đến đời nay khói hương vẫn còn nghi ngút, rất là linh ứng”. Nàng Bích Châu trung trinh đã hoá thân thành một biểu tượng bất tử trong lòng nhân dân.

 Tác giả xây dựng một mẫu hình phụ nữ đặc biệt: trung trinh, kiên định; có trí tuệ sắc sảo và tinh thần trượng nghĩa; có lòng nhân từ khoan hậu và đức hi sinh;...

 *Nhân vật trong truyện truyền kì:* Nhân vật có thể có năng lực siêu nhiên, xuất thân kì lạ, diện mạo khác thường, hành tung biến hoá,... nhân vật kì ảo và nhân vật phàm trần đối thoại, tương tác,... với nhau một cách tự nhiên, không có sự cách biệt. Nhân vật được chú trọng xây dựng với những góc cạnh đa dạng, thể hiện dụng ý nghệ thuật.

#### Vấn đề 3. Ngôn ngữ

* + *Lời kể:* Lời kể ở ngôi thứ ba, điểm nhìn bên ngoài, có sự đan xen tản văn với biền văn và vận văn; sử dụng lối nói so sánh *–* ẩn dụ; ưa hình thức biểu đạt cầu kì, khoa trương, phóng đại; chuộng ngôn từ hoa mĩ; dùng nhiều điển cố, hình ảnh biểu trưng;...
  + *Lời đối thoại:* Ngôn ngữ đối thoại trong *Đền thiêng cửa bể,* tác giả sử dụng tới trên 30 lời thoại; các nhân vật chính đều có lời thoại trực tiếp; có cả lời thoại trong “hiện thực lịch sử” và lời thoại của các nhân vật thuộc hai thế giới hữu hình và vô hình,... lời thoại (của các nhân vật khác nhau) đuợc tác giả sử dụng khá nhuần nhuyễn, tự nhiên, tương thích với nội dung và diễn biến câu chuyện,...

 Tính văn chương, giá trị biểu cảm của tác phẩm được chú trọng qua ngôn ngữ. Điều này đã góp phần làm nên sự hấp dẫn của câu chuyện trong việc thể hiện chủ đề *–* tư tưởng của tác phẩm.

#### Vấn đề 4. Thủ pháp nghệ thuật

* + *Sự đan xen giữa yếu lịch sử và yếu tố kì ảo:*

+ Yếu tố lịch sử: cốt lõi là các sự thật lịch sử (sự nghiệp mở rộng bờ cõi của các vua đời Trần và đời Lê; ngôi đền thờ Chế Thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu ở Hà Tĩnh;...)

+ Yếu tố kì ảo: gắn liền với các nhân vật, sự kiện, chi tiết kì ảo xuất hiện từ đầu đến cuối thiên truyện (Giao thần cản trở; Bích Châu hiến mạng cứu nguy; thuỷ quốc của Quảng Lợi vương; viên ngọc minh châu; Bích Châu hiển linh;...).

 Sự đan xen giữa yếu tố lịch sử và yếu tố kì ảo trong truyện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp việc thể hiện nội dung tư tưởng – chủ đề của tác phẩm được trọn vẹn và hấp dẫn, lôi cuốn: nền trị bình của đất nước là thiêng liêng, chính sự quốc gia là việc hệ trọng; được các thế lực siêu nhiên thần thánh phù trợ; con người, nếu giữ trọn đạo nghĩa, biết hiến dâng cho mục đích cao đẹp thì sẽ đuợc hoá thân vào lịch sử, trở nên linh thiêng bất tử;...

* + *Không gian:* có sự hoà trộn giữa các cõi thần tiên, trần tục, cõi âm,…
  + *Thời gian:* thống nhất về thời gian thực và mộng, biến động xoay vần và tĩnh tại bất biến,…
  + *Giấc mộng:* sử dụng mô típ giấc mộng (vua mơ thấy nàng Bích Châu).

 Đây là thủ pháp quan trọng của truyện truyền kì, tạo một không gian nghệ thuật có tính phức hợp.

#### Vấn đề 5. Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì

Lập bảng thống kê các sự kiện, nhân vật, chi tiết,... có tính chất linh thiêng, kì ảo

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Sự kiện, nhân vật, chi tiết kì ảo** |
| 1 | Thần miếu ở phía trước rất hiển linh, nếu đến đó lễ bái thì sẽ được thuận buồm xuôi gió. |
| 2 | Lúc gần nửa đêm nơi bãi vắng trên đất Kỳ Hoa, “Bích Châu ngửa mặt lên xem tượng trời, thấy một đám mây đen”. Ứng nghiệm liền sau đó “Bỗng một trận gió lốc cuồn cuộn thổi vào thuyền vua, lớp lớp cờ đào bị gió cuốn sang phía tây nam”. |
| 3 | Đô đốc vùng biển Nam nanh to râu xồm, diện mạo hung tợn, đầu đội mũ lưu tinh, mình mặc áo gấm vây, bước dài, cúi đầu, nghiêng mình, lắc lư đi thẳng đến trước mặt vua thi lễ. |
| 4 | Vua Lê Thánh Tông mộng thấy một người con gái, nhan sắc rất đẹp, từ dưới nước hiện lên, lạy khóc, kể sự tình rồi giao ngọc minh châu triệt hải. |
| 5 | Nhà vua sai thị thần là Nguyễn Trọng Ý viết một phong thư, bắn ra ngoài biển, treo ngọc minh châu nhìn ra, quả nhiên thấy lầu son gác tía, thành đồng ao nóng, con cháu ngư long cưỡi ngựa đi kiệu, qua lại dưới thành, không lúc nào ngớt bóng. Khi ấy có Kình hiệu uý đi tuần tiễu về, nhặt được bức thư mà nhà vua đã niêm phong cẩn thận, vội vàng đem vào tâu. |
| 6 | Quảng Lợi vương hạ lệnh cho Ngạc tổng binh, Miết tòng sự đem vài nghìn lính mặc áo giáp, đội mũ trụ đi tróc nã Giao đô đốc. Lại sai Lí hàn lâm thảo thư, Long các thần sửa lại, Quy đốc bưu sung chức giang sứ mang thư ra đầu bãi biển. |
| 7 | Khi mọi người để mắt trông ra ngoài biển đều thấy: đi trước là Ngạc tổng binh, theo sau có các loại cá lớn, các loài rùa, ba ba,... như sấm như sét tiến thẳng vào hải phận của Giao thần. |
| 8 | Nhà vua thấy một mĩ nhân vẻ mặt đoan trang, mặc áo trắng thắc mắc về câu kết bài thơ ngự đề vàng ngọc ở trên tường. |
| 9 | Nhân vật Bích Châu, Quảng Lợi vương, bộ máy của Quảng Lợi vương,… |

2. Chi tiết kì ảo hấp dẫn hơn cả của *Đền thiêng cửa bể* là:

Chi tiết nàng Bích Châu hiển linh giáng trần sau khi u hồn đã được tế độ, nàng “trò chuyện” với vua Lê Thánh Tông và “thắc mắc” về hai câu kết bài thơ nhà vua ngự đề ở ngôi miếu thờ. Chi tiết này cho thấy dù là thần tiên cũng vẫn tưởng nghĩ đến ân nghĩa vua tôi, chồng vợ; Bích Châu là bậc “anh kiệt trong đám nữ lưu”, đáng được ngợi ca, truyền tụng.

1. Vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian:

*– Vai trò:*

+ Là yếu tố không thể thiếu của thể loại truyện truyền kì.

+ Khắc hoạ đậm nét nhân vật và sự việc, thể hiện dụng ý của nhà văn.

+ Tạo nên sự lôi cuốn, li kì, sức hấp dẫn,... cho câu chuyện.

+ **“**Lấy kì nói thực” là phương thức lí giải nội dung hiện thực của truyện truyền kì.

*– Liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian:*

+ Trong một số kiểu loại truyện dân gian như *thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích*, yếu tố kì ảo được nhìn nhận như biểu hiện của một thế giới riêng, trở thành đối tượng, nội dung phản ánh trực tiếp của câu chuyện. Sự xuất hiện của yếu tố kì ảo trong thần thoại và truyền thuyết thường gắn với việc nhân hoá các lực lượng tự nhiên; yếu tố kì ảo trong truyện cổ tích, đặc biệt là truyện cổ tích thần kì, thường tập trung thể hiện ở kiểu nhân vật có phép lạ, có tài biến hoá,…

+ Truyện *chí quái, chí dị* thiên về các đề tài, nội dung có tính chất ma quái. Tuy nhiên, câu chuyện và nhân vật trong truyện chí quái thường đơn điệu, đơn tuyến.

1. *Tổ chức thực hiện*

**Bước 1.** GV giao nhiệm vụ như mục *Nội dung.*

**Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.

**Bước 3** *–* **4.** GV tổ chức thảo luận và kết luận:

* GV hướng dẫn HS đọc: văn bản dài, HS đọc ở nhà. GV đọc mẫu và chọn một vài HS đọc lưu ý HS về các thẻ chỉ dẫn và chú thích trong văn bản để HS tự suy ngẫm trong quá trình đọc. Sau khi HS đọc, GV yêu cầu HS nhận xét (đạt hay chưa đạt).
* GV tổ chức cho HS tóm tắt cốt truyện, từ đó xác định hệ thống các sự kiện chính của mỗi phần trong văn bản. GV cho HS nêu đề tài và nhận xét về cốt truyện. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.
* Tuỳ tình hình thực tế của lớp học, GV có thể chia nhóm 4 *–* 6 HS. GV giao cho mỗi nhóm thực hiện phân tích tính cách và phẩm chất của nhân vật nàng Bích Châu qua một tình huống và sự kiện tiêu biểu. HS được yêu cầu làm việc và đại diện nhóm trình bày. GV kết luận như mục *Sản phẩm*. GV đặt câu hỏi thảo luận: *Trong những tình huống trên, tình huống nào thể hiện rõ nhất phẩm chất và nhân cách cao đẹp của nhân vật?* GV cho HS trao đổi, phát biểu, nhận xét và định hướng: Tình huống giúp nhân vật bộc lộ phẩm chất và nhân cách rõ nhất là nàng Bích Châu quyên sinh vì vua, vì nước.
* GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi để trao đổi, nhận xét về ngôn ngữ của truyện.

GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

* GV tiếp tục tổ chức hoạt động cặp đôi trao đổi, nhận xét về thủ pháp nghệ thuật, GV gợi ý HS dựa vào phần *Tri thức ngữ văn* để khảo sát lời đối thoại giữa các nhân vật và lời bình luận của người kể chuyện. HS phát biểu, trao đổi. GV kết luận như mục
* *Sản phẩm*.
* GV cho HS hoạt động nhóm, khảo sát, thống kê và trình bày. GV kết luận như mục

*Sản phẩm*.

#### Hoạt động 3: Luyện tập

1. *Mục tiêu*

Xác định được chủ đề, ý nghĩa của truyện.

1. *Nội dung*

**Câu 1.** Nội dung, chủ đề, tư tưởng của văn bản.

**Câu 2.** Qua việc miêu tả “bộ máy nhà nước” của Quảng Lợi vương và nội dung hai bức thư trao đổi của vua Lê Thánh Tông và Quảng Lợi vương, hiểu thế nào về lối “lấy kì nói thực” của truyện truyền kì?

**Câu 3.** Chỉ ra những dấu hiệu để xác định văn bản *Đền thiêng cửa bể* là truyện truyền kì.

**Câu 4.** Nêu cách đọc hiểu văn bản thuộc thể loại truyện truyền kì.

1. *Sản phẩm*

#### Câu 1

Nội dung, chủ đề, tư tưởng của văn bản là: Thông qua câu chuyện về nàng Bích Châu, một nhân vật gắn với những truyền tụng về các sự kiện lịch sử diễn ra ở đời Trần và đời Lê; gián tiếp đề cập quá trình thống nhất giang sơn của các triều đại phong kiến; tác giả đã ca ngợi tấm gương trung trinh, tiết nghĩa của người phụ nữ tài sắc vẹn toàn, một lòng vì non sông đất nước.

#### Câu 2

“Quan điểm hiện thực” nói đến ở đây chính là cách nhìn nhận, xem xét, đánh giá,... của tác giả đối với các hiện tượng của đời sống (lịch sử, xã hội; hiện thực cuộc sống,...).

+ “Bộ máy nhà nước” của Quảng Lợi vương: Theo thiết chế, mô hình bộ máy cai trị của nhà nước phong kiến (đương thời, đời Lê); đứng đầu là nhà vua, bên dưới là “nội các” gồm các “ban”, “bộ”, “ngành”/ với các chức quan, phẩm hàm,... tương ứng theo một tôn ti trật tự cụ thể, tức có “hiến chương”, pháp độ rõ ràng (ví dụ: các chức quan như thừa tướng, ngự sử, tổng binh, đô đốc,...).

+ Nội dung hai bức thư trao đổi của vua Lê Thánh Tông và Quảng Lợi vương: Lời lẽ đối đãi theo phép tắc ngoại giao; chuẩn mực xã hội và kỉ cương phép nước được đề cao; chính tà phân rõ, luân thường đạo lí được coi trọng; kẻ biết trọng danh dự, giữ tiết tháo được nể vì;... (Thư phúc đáp của Quảng Lợi vương: “Dẫu là hai nơi âm dương cách biệt, nhưng ba thước gươm sáng chẳng dung gian tà.”,...).

 Quan điểm về hiện thực lịch sử, xã hội của tác giả: Đề cao vương đạo *–* phép nước theo tinh thần Nho giáo; coi trọng sự ổn định xã hội và tính tôn ti trật tự của thiết chế nhà nước; đề cao phẩm cách cá nhân, đạo lí làm người;... Tác giả đã từ thực tiễn lịch sử và cảm quan giá trị thời đại để nhìn nhận, phản ánh và biểu lộ mong mỏi, khát vọng của mình.

#### Câu 3

Những dấu hiệu để xác định văn bản *Đền thiêng cửa bể* là truyện truyền kì là:

*–* Cốt truyện: tổ chức hệ thống sự việc li kì.

* Nhân vật: kì ảo, có sức mạnh siêu nhiên, ở cõi âm *–* cõi dương giao tiếp.
* Ngôn ngữ: đan xen tản văn với biền văn và vận văn; sử dụng lối nói so sánh *–* ẩn dụ; ưa hình thức biểu đạt cầu kì.
* Thủ pháp nghệ thuật: đan xen yếu tố thực và ảo.

**Câu 4**

Cách đọc hiểu văn bản thuộc thể loại truyện truyền kì là:

* Đọc và xác định đề tài, cốt truyện và hệ thống sự kiện.
* Tìm hiểu thế giới nhân vật.
* Nhận xét về ngôn ngữ (lời kể và lời nhân vật).
* Hệ thống các yếu tố kì ảo.
* Quan điểm hiện thực của tác giả.

Kết nối để xác định chủ đề, giá trị của văn bản.

1. *Tổ chức thực hiện*

**Bước 1.** GV giao nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ như mục *Nội dung* và làm vào vở.

**Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, nhắc nhở HS tập trung làm bài.

**Bước 3** *–* **4.** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận:

**Câu 1.** GV lưu ý HS đọc rà văn bản và nêu chủ đề, tư tưởng của truyện. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

**Câu 2.** GV tổ chức cho HS thảo luận về phương thức “lấy kì nói thực” của truyện. HS trao đổi, nhận xét. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

**Câu 3.** GV lưu ý HS đọc lại phần *Tri thức ngữ văn* trong SGK, đặt câu hỏi thảo luận để HS nhận diện được các đặc điểm của truyện truyền kì. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

**Câu 4.** Từ các hoạt động đọc hiểu, HS đề xuất cách đọc hiểu truyện truyền kì. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

#### Hoạt động 4: Vận dụng

1. *Mục tiêu*

Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Đền thiêng cửa bể* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

1. *Nội dung*

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của bạn về hình tượng nhân vật Bích Châu trong tác phẩm.

1. *Sản phẩm*

Đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của bạn về hình tượng nhân vật Bích Châu trong tác phẩm.

1. *Tổ chức thực hiện*

**Bước 1.** GV giao nhiệm vụ: HS làm bài tập về nhà như mục *Nội dung* và yêu cầu nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học sau.

**Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Cần đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức:

*–* Nội dung: Cảm nhận về hình tượng nhân vật Bích Châu:

+ Cảm nhận chung về nhân vật Bích Châu.

+ Cảm nhận cụ thể về nhân vật Bích Châu.

+ Bày tỏ cảm xúc và suy nghĩ về nhân vật Bích Châu.

*–* Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.

**Bước 3.** GV tổ chức báo cáo: GV khuyến khích sự xung phong hoặc chỉ định 1 *–* 2 HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá quá trình).

**Bước 4.** GV nhận xét, đánh về bài viết của HS, bình luận về bài học và kết luận.

**ĐỌC**

**MUỐI CỦA RỪNG**

**(Trích - Nguyễn Huy Thiệp)**

**Yêu cầu của bài học**

- HS biết đọc các thông tin ngoài văn bản và vận dụng khám phá văn bản.

- HS nhận biết và phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của một truyện ngắn hiện đại.

- HS hiểu được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố hiện thực và yếu tố ảo trong truyện ngắn hiện đại.

- HS biết trân trọng cuộc sống và có tình yêu thiên nhiên.

**Tiến trình hoạt động**

**\* Hoạt động Mở đầu**

1. **Mục tiêu**

- Tạo hứng thú cho HS bước đầu nhận diện trọng tâm của bài học.

- Biết cách thư thập tài liệu và trình bày vấn đề trước tập thể.

1. **Nội dung hoạt động**

- HS theo dõi qua máy chiếu/tivi một số vấn đề do GV trình chiếu.

- HS trao đổi, thảo luận và trình bày suy nghĩ của mình.

1. **Sản phẩm**

- HS trao đổi suy nghĩ của mình.

1. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm hiểu ở nhà và nêu tên một số tác phẩm văn học hiện đại có yếu tố kì ảo mà em biết.  - Con người cần phải ứng xử với thiên nhiên như thế nào ?  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS trình bày ý kiến của mình.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  ***-*** GV gọi khoảng 2-3 em chia sẻ.  - Lớp theo dõi, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV cho HS đánh giá, phản biện trao đổi  **- Từ đó GV dẫn vào bài mới** | ***\* Nêu một số tác phẩm văn học hiện đại có yếu tố kì ảo mà bạn biết.***  *- Một số tác phẩm văn học hiện đại có yếu tố kì ảo*  + Vàng lửa, Kiếm sắc của Nguyễn Huy Thiệp.  + Truyền kì mạn lục (Kiều Phú): Chứa đựng những câu chuyện kì ảo đan xen với hiện thực, phản ánh quan niệm về thế giới và con người của thời đại.  + Vàng và Máu (Thế Lữ): Tác phẩm mang màu sắc huyền bí, rùng rợn, thể hiện những góc khuất trong tâm hồn con người.  + Chuyện xứ Lang Biang (Nguyễn Nhật Ánh): Câu chuyện huyền thoại về tình yêu và sự hy sinh, đan xen giữa thực tế và ảo mộng.  - Phiên bản, Hồ Sơ một tử tù (Nguyễn Đình Tú),…  *- Con người cần phải ứng xử với thiên nhiên.*  + Con người cần phải ứng xử với thiên nhiên một cách trân trọng, tôn trọng và có trách nhiệm.  Bởi vì:  1. Thiên nhiên là nguồn sống của con người: Cung cấp cho con người không khí, nước, thức ăn, và các tài nguyên thiên nhiên khác để duy trì sự sống; Giúp điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường sống, và duy trì sự cân bằng sinh thái; Mang lại cho con người vẻ đẹp cảnh quan, giúp con người thư giãn, giải trí và nâng cao tinh thần.  2. Con người đang tác động tiêu cực đến thiên nhiên: Hoạt động khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, và phá hủy đa dạng sinh học; Thiên tai, dịch bệnh ngày càng gia tăng do con người tác động tiêu cực đến thiên nhiên.  3. Con người cần chung tay bảo vệ thiên nhiên: Sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách tiết kiệm và hiệu quả; Bảo vệ môi trường sống, chống ô nhiễm, và giảm thiểu tác động tiêu cực đến thiên nhiên; Trồng cây xanh, bảo vệ rừng, và phát triển năng lượng tái tạo; Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho bản thân và cộng đồng; Ứng xử với thiên nhiên một cách trân trọng, tôn trọng và có trách nhiệm là trách nhiệm của mỗi cá nhân và toàn xã hội. |

**\* Hoạt động Hình thành kiến thức mới.**

**\*Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu thông tin về tác giả, văn bản**

1. **Mục tiêu**

* HS nắm bắt được thông tin về tác giả Nguyễn Huy Thiệp (tiểu sử, tác phẩm chính, đóng góp).
* HS nhận biết thông tin xuất xứ văn bản.

#### Nội dung hoạt động

+ HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

+ HS dựa vào SGK và tìm hiểu qua internet để nắm được thông tin.

+ GV hướng dẫn học sinh thực hiện và trình bày.

#### Sản phẩm

+ Kết quả hoạt động của học sinh.

#### Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS chuẩn bị bài **(ở nhà).** Lên lớp GV yêu cầu HS trình bày những nội dung sau:  + Thông tin về tác giả; tác phẩm.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS tham khảo SGK, nền tảng công nghệ số để thực hiện nhiệm vụ  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Báo cáo kết quả học tập tại lớp. GV gọi 1-2 em trình bày sản phẩm *(Qua Ti vi/ Máy chiếu)*. GV tổ chức cho HS góp ý, nhận xét và bổ sung để hoàn thiện.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS. | 1. **Thông tin về tác giả và văn bản**   ***1. Tác giả***  - Nguyễn Huy Thiệp (1950-2021)  - Quê ở Hà Nội  - Sáng tác cả kịch, tiểu thuyết, thơ và viết tiểu luận nhưng truyện ngắn là thành tựu đặc sắc nhất của ông.  - Truyện ngắn của ông có cái nhìn sắc lạnh về hiện thực và lịch sử; bút pháp cô đọng, dồn nén và ngôn ngữ giàu tính đối thoại, thể hiện được sự phồn tạp,bí ẩn của đời sống.  - Tác phẩm tiêu biểu: *Tướng về hưu (*Tập truyện ngắn, 1987), *Những ngon gió đồi Hua Tát (*Tập truyện ngắn, 1989), *Như những ngọn gió* (tuyển tập truyện ngắn và kịch, 1995), *Tuổi hai mươi yêu dấu* (tiểu thuyết, 2003), *Giăng lưới bắt chim* (tập tiểu luận, 2006),…  ***- Truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp xuất hiện vào thời kì Đổi Mới, ngay lập tức,ông trở thành một hiện tượng gây tranh luận sôi nổi. Đến nay, ông đã được nhìn nhận là một cây bút xuất sắc của nền văn học hiện đại.***  ***2. Tác phẩm Muối của rừng***  - In lần đầu trên báo Văn nghệ năm 1987. |

#### 2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

1. *Mục tiêu*

* Chỉ ra, phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản *Muối của rừng*.
* Nhận biết và phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện ngắn hiện đại qua văn bản *Muối của rừng*, liên hệ với yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì *Đền thiêng cửa bể*.

1. *Nội dung*

Tập trung làm rõ các nội dung như *Cốt truyện* – *Nhân vật* – *Ngôi kể và sự dịch chuyển điểm nhìn* – *Vai trò của yếu tố kì ảo.*

HS được yêu cầu đọc *Muối của rừng* trong SGK và viết thêm vào vở ghi.

**Vấn đề 1. Cốt truyện**

Hãy tóm tắt truyện *Muối của rừng*. Giữa nhan đề và nội dung câu chuyện có liên hệ với nhau như thế nào?

**Vấn đề 2. Nhân vật**

Phân tích trải nghiệm, tâm trạng và nhận thức của ông Diểu ở các hoàn cảnh: khi chứng kiến đời sống của đàn khỉ trong khu rừng mùa xuân; lúc đến Hõm Chết; diện mạo và tình thế của ông Diểu ở đầu truyện và cuối truyện.

**Vấn đề 3. Ngôi kể và sự dịch chuyển điểm nhìn**

Qua việc phân tích nhân vật ông Diểu, nhận xét gì về ngôi kể và điểm nhìn trong truyện *Muối của rừng.*

**Vấn đề 4. Vai trò của yếu tố kì ảo**

Vai trò của những chi tiết kì ảo trong *Muối của rừng,* những chi tiết đó có điểm gì khác với chi tiết kì ảo trong *Đền thiêng cửa bể*?

1. *Sản phẩm*

#### Vấn đề 1. Cốt truyện

Tóm tắt cốt truyện:

Ông Diểu gặp đàn khỉ (nghĩ về con người)  Ông Diểu bắn khỉ đực (sợ hãi vì làm việc ác)  Chứng kiến khỉ cái dìu khỉ đực chạy trốn (tức giận, buồn bã)  Bị khỉ con lấy súng (phá lên cười)  Chứng kiến cảnh tượng Hõm Chết (bàng hoàng, kinh sợ)

 Cứu chữa khỉ đực rồi bế xuống núi (tiếc con mồi, mủi lòng thương cảm)  Khỉ cái bám theo (cảm thấy bị xúc phạm, khổ sở, giác ngộ)  Ông Diểu phóng sinh cho khỉ đực, gặp hoa tử huyền (cô đơn, hạnh phúc).

Văn bản kể về hành trình đi săn của ông Diểu. Đó cũng là hành trình trải nghiệm và nhận thức của ông. Mỗi sự việc là một trạng thái tâm lí của ông Diểu, ông lại thêm phần khám phá về đối phương và về chính bản thân mình.

#### Vấn đề 2. Nhân vật ông Diểu

Trải nghiệm, tâm trạng và nhận thức của ông Diểu:

– Khi chứng kiến đời sống của đàn khỉ trong khu rừng mùa xuân: Ông Diểu đã có những ý nghĩ và nhận xét về con khỉ đầu đàn (“gớm lắm đây”, “tự tin đến thô bạo”, con khỉ đực “cái thằng bố ô trọc ấy”, “đồ phong tình phóng đãng”, “tên bạo chúa khốn nạn”); về con khỉ cái (“giống cái bao giờ cũng dễ phân tâm”, “với giống cái thì thân thể mình là quan trọng nhất”).  Thể hiện tính chủ quan, cực đoan, định kiến.

– Lúc đến Hõm Chết:

+ Ông Diểu chứng kiến những sự việc kì lạ: cảnh tượng ở Hõm Chết (“sương mù dâng lên cuồn cuộn, trông vừa kinh dị, vừa đầy tử khí”); khỉ con màu trắng (“cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng”); chỗ con khỉ đực bị thương (nằm trên “ngọn đá phẳng lì và khá chông chênh”, “cảm tưởng như bất cứ lúc nào tảng đá cũng có thể lăn nhào”); tiếng kêu của khỉ đực (“tựa như Thần Chết bực mình”, “lắp bắp nghe như tiếng của trẻ con”); núi lở bất ngờ (“đoạn đường mà ông leo lên lúc nãy loáng cái chỉ còn một vết chém thẳng phẳng lì”); chỗ ông Diểu để quần áo (“đùn lên một đống mối to gần bằng cây rạ”); khỉ cái đeo bám “lẽo đẽo đằng sau”, “lẵng nhẵng bám theo”;…

+ Cảm xúc và suy nghĩ của ông Diểu: “kinh hoàng”, “hay là ma?”, “bàng hoàng”, ”không ngờ”, ”rùng mình”, “kinh hãi”, “thót mình”, “giật mình”, “thấy buồn tê tái”,... Diễn biến tâm trạng của ông Diểu phức tạp từ kinh ngạc – sợ hãi – buồn bã khi nhận thấy thiên nhiên bị huỷ hoại, khi bị thiên nhiên cảnh báo và trừng phạt, khi nhận thấy bản tính và phẩm tính của loài vật,...

 Những sự việc kì lạ trên hành trình săn khỉ đã làm cho ông Diểu thay đổi nhận thức và liên tục hành động “lạ lùng”.

– Diện mạo và tình thế của ông Diểu ở đầu truyện và cuối truyện:

+ Đầu truyện: Ông Diểu đi săn – trang phục đầy đủ, mang theo súng săn, lương thực với tinh thần chủ động, tự tin và tâm thế kẻ cả, định kiến  Đây là hình ảnh con người cao ngạo, làm chủ tự nhiên, khai thác, huỷ hoại tự nhiên để phục vụ cuộc sống của mình.

+ Cuối truyện: Sau khi bắn khỉ đực và cứu chữa rồi phóng sinh cho con mồi, trải qua nhiều cảm xúc và suy nghĩ, nhận thức, ông Diểu “trần truồng như thế, cô đơn như thế” khi ra khỏi rừng. Rừng đã tước đoạt của ông tất cả quần áo, thức ăn, vũ khí nhưng trả lại cho ông trạng thái tự nhiên, hoà hợp với đất trời trong mưa xuân dịu dàng  Con người đã trở nên khiêm nhường, nhỏ bé trước tự nhiên. Con người chỉ là một loài giữa muôn loài trong vũ trụ.

 Thông điệp của tác phẩm: Con nguời cần phải biết sống hoà hợp với tự nhiên.

#### Vấn đề 3. Ngôi kể và sự dịch chuyển điểm nhìn

* Ngôi kể: ngôi thứ ba.
* Điểm nhìn dịch chuyển: khi thì ở điểm nhìn của ông Diểu (“Hành động ấy thật là đê tiện”); khi thì là con khỉ cái (“Nó sẽ cuồng nhiệt hi sinh bởi lòng cao thượng của nó sẽ được thiên nhiên tính điểm. Ông đã lộ mặt là tên ám sát! Dù chết nó vẫn nhe răng để cười. Bất luận thế nào ông cũng sẽ đau đớn, sẽ thao thức, thậm chí ông sẽ chết sớm hai năm nếu ông bắn nó lúc này”); và khi thì ở điểm nhìn của người kể chuyện (“Loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng”).

 Dịch chuyển điểm nhìn khiến vấn đề được soi tỏ nhiều góc, nhiều chiều, kết hợp thể hiện cái nhìn sắc lạnh về hiện thực, tạo tính đối thoại, thể hiện được sự phồn tạp, bí ẩn của đời sống.

#### Vấn đề 4. Vai trò của yếu tố kì ảo

– Vai trò:

+ Tạo nên sự hấp dẫn, li kì cho câu chuyện.

+ Thể hiện quan niệm về thế giới tự nhiên và tâm linh.

+ Phản ánh những vấn đề xã hội và gửi gắm thông điệp của tác giả.

– Liên hệ:

+ Ở *Đền thiêng cửa bể,* yếu tố kì ảo (chi tiết kì lạ, nhân vật kì ảo, thủ pháp kì ảo,...) xuất hiện với tần số cao. Những yếu tố này đóng vai trò cốt lõi, tạo nên cấu trúc và mạch truyện. Đó là kì ảo hoang đường, thể hiện ước mơ và niềm tin vào công lí, ca ngợi phẩm chất tốt đẹp, làm nên đặc trưng của truyện truyền kì.

+ Ở *Muối của rừng*, nhà văn kiến tạo một số ít chi tiết có tính chất kì, lạ, hiếm gặp (đối lập với bình phàm) để tạo tình huống đặc biệt nhằm bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trong truyện ngắn hiện đại. Đó là hiện thực kì ảo, làm điểm nhấn, góp phần thể hiện chủ đề, thể hiện sự bí ẩn của thiên nhiên, thức tỉnh con người chứ không chi phối trực tiếp đến cấu trúc nội dung hay mạch tự sự của tác phẩm.

1. *Tổ chức thực hiện*

**Bước 1.** GV giao nhiệm vụ như mục *Nội dung.*

**Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.

**Bước 3 – 4.** GV tổ chức thảo luận và kết luận.

* GV hướng dẫn HS đọc một đoạn tạo không khí, sau đó kể tóm tắt phần còn lại dựa trên việc chuẩn bị bài ở nhà của HS. GV nhắc HS chú ý đến những gợi ý, định hướng ở các thẻ chỉ dẫn bên phải văn bản. GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm, thể hiện được lời kể, lời nhân vật với những sắc thái cảm xúc đa dạng. GV có thể đọc mẫu một đoạn ngắn. Sau khi HS đọc, GV yêu cầu HS nhận xét (đạt hay chưa đạt).
* GV lưu ý HS dựa vào lí thuyết đã học để chỉ ra dấu hiệu nhận biết các sự việc, sự kiện, nhận diện đặc điểm cốt truyện. HS làm trình bày sơ đồ tóm tắt cốt truyện và nhận xét. GV nhận xét và kết luận như mục *Sản phẩm.*
* Tuỳ tình hình lớp học, GV có thể chia nhóm 4 – 6 HS. Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu trải nghiệm, tâm trạng và nhận thức của ông Diểu ở các hoàn cảnh khác nhau. Sau đó, các nhóm trình bày sản phẩm. HS trao đổi, thảo luận. GV nhận xét và kết luận như mục *Sản phẩm*.

GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi để trao đổi về ngôi kể và sự dịch chuyển điểm nhìn. HS phát biểu. GV kết luận như mục *Sản phẩm*. GV bổ sung: Ngôi kể và điểm nhìnthông qua lời kể đã khắc hoạ bối cảnh, thời gian, không gian, miêu tả sự việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận thái độ đánh giá đối với sự việc và các nhân vật trong truyện.

– GV tiếp tục tổ chức hoạt động cặp đôi trao đổi về vai trò yếu tố kì ảo trong *Muối của rừng,* liên hệ với chi tiết kì ảo trong *Đền thiêng cửa bể*. HS làm việc, thảo luận. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

#### Hoạt động 3: Luyện tập

1. *Mục tiêu*

HS xác định chủ đề, ý nghĩa của văn bản *Muối của rừng.*

1. *Nội dung*

HS được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

**Câu 1.** Nêu ý nghĩa nhan đề. Nhan đề đó góp phần thể hiện chủ đề của văn bản

*Muối của rừng* như thế nào?

**Câu 2.** Cách đọc hiểu các yếu tố kì ảo trong truyện hiện đại.

1. *Sản phẩm*

#### Câu 1

* + Ý nghĩa nhan đề: Nhan đề gợi ra câu chuyện về thiên nhiên như *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi), *Hoa rừng* (Dương Thị Xuân Quý),… Nhan đề gợi ra những chuyện lạ (vì bình thường thì muối gắn với biển). Câu chuyện có những chi tiết lạ lùng liên quan đến hành trình trải nghiệm của nhân vật chính. Nhan đề kết nối chặt chẽ với phần kết của câu chuyện: Ông Diểu phóng sinh cho con khỉ, ra về gặp hoa tử huyền – “người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng”.
  + Nhan đề thể hiện chủ đề văn bản. Đây là sự lặp lại có chủ ý của tác giả về kết cấu để nhấn mạnh thông điệp: con người sẽ được bình yên, no ấm khi biết sống hoà hợp với tự nhiên (“khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc.”).

#### Câu 2

Cách đọc hiểu các yếu tố kì ảo trong truyện hiện đại:

Đọc kĩ văn bản, rà soát những yếu tố li kì.

* + Đặt chi tiết trong ngữ cảnh, nhận thấy vai trò của chúng trong việc khắc hoạ nhân vật.
  + Đánh giá vai trò của chi tiết kì ảo:

+ Được sử dụng như một phương thức nghệ thuật để phản ánh thực tại.

+ Thể hiện quan niệm về thế giới và xã hội với đề tài, thủ pháp,… vô cùng phong phú, đa dạng.

+ Tham gia vào thế giới nghệ thuật của tác phẩm truyện hiện đại thường có tác dụng tạo bối cảnh, mang lại tính li kì, hấp dẫn cho câu chuyện.

*+* Nhận diện về phong cách nhà văn.

1. *Tổ chức thực hiện*

**Bước 1.** GV giao nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ như mục *Nội dung* và yêu cầu làm vào vở.

**Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, nhắc nhở HS tập trung làm bài.

**Bước 3 – 4.** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận:

**Câu 1.** GV lưu ý HS suy ngẫm và trả lời. GV kết luận như mục *Sản phẩm*. GV đặt câu hỏi: *Tìm những tác phẩm có nhan đề tương tự như vậy*. GV cho HS trao đổi và gợi ý, kết luận như mục *Sản phẩm.* Nhan đề này giúp thể hiện rõ hơn chủ đề của truyện.

**Câu 2.** GV lưu ý HS suy nghĩ về việc đọc hiểu các yếu tố kì ảo trong truyện hiện đại.

GV gọi một HS trình bày, các HS khác nhận xét. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

#### Hoạt động 4: Vận dụng

1. *Mục tiêu*

Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Muối của rừng* và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

1. *Nội dung*

Đọc một số truyện ngắn hiện đại có yếu tố kì ảo.

1. *Sản phẩm*

Đọc 1 văn bản thuộc thể loại truyện hiện đại, trong đó có yếu tố kì ảo. Nhận diện và phân tích các yếu tố đó.

1. *Tổ chức thực hiện*

**Bước 1.** GV giao nhiệm vụ. HS làm bài tập về nhà như mục *Nội dung* và yêu cầu nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học sau.

**Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Hướng dẫn nhận diện và phân tích:

* Đọc kĩ văn bản, rà soát những yếu tố li kì.
* Đặt chi tiết trong ngữ cảnh, nhận thấy vai trò của chúng.
* Đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo:

+ Được sử dụng như một phương thức nghệ thuật để phản ánh thực tại.

+ Thể hiện quan niệm về thế giới và xã hội của tác giả.

+ Tạo bối cảnh, mang lại tính li kì, hấp dẫn cho câu chuyện.

+ Nhận diện về phong cách nhà văn.

**Bước 3.** GV tổ chức báo cáo: GV khuyến khích sự xung phong hoặc chỉ định 1 – 2 HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá quá trình).

**Bước 4.** GV nhận xét, đánh về bài trình bày của HS, bình luận về bài học và kết luận.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG ĐIỂN CỐ TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**Yêu cầu của bài học**

- HS nhận biết được điển tích trong văn bản văn học.

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của việc dùng điển cố trong đoạn văn.

- HS biết vận dụng kiến thưc tiếng Việt để thực hành làm bài tập.

**Tiến trình hoạt động**

***\* Hoạt động Luyện tập***

1. **Mục tiêu**

- HS thực hành làm bài tập để thành thạo kĩ năng nhận diện và phân tích tác dụng của việc sử dụng điển tích trong văn bản.

- HS thấy được nghệ thuật sử dụng điển cố trong văn bản.

1. **Nội dung**

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn HS nhận biết và trình bày

1. **Sản phẩm**

- Kết quả trả lời của HS

1. ***Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Thao tác 1: ôn lại kiến thức về câu***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV chia lớp thành 02 nhóm để thảo luận, trao đổi và thực hành làm các ***Bài tập 1,2 (Ngữ Văn 12, Tập , tr.114)*** và ***Bài tập 1,2 (Ngữ Văn 12, Tập , tr.115)***.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc nhóm theo yêu cầu của GV.  - GV quan sát, tư vấn hỗ trợ.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV gọi HS đại diện các nhóm lên trình bày kết quả làm việc, cả lớp lắng nghe và nhận xét, bổ sung hoặc phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn điều chỉnh.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV nhận xét, đánh giá kết quả của HS theo mục **Dự kiến sản phẩm.** | **\* Bài tập 1: (Ngữ Văn 12, Tập 1, tr.114)**  - Phân tích điển cố trong đoạn trích *"Đền thiêng cửa bể"*  1. "Dời củi khỏi bếp tranh, để phòng cháy trước khi chưa cháy, dùng dâu ràng của tổ để ngừa mưa trước lúc chưa mưa":  - Điển cố: "Dời củi khỏi bếp tranh" xuất phát từ bài thơ "Dạ Tạ" của Đỗ Phủ.  - Ý nghĩa: Câu nói này thể hiện tầm quan trọng của việc phòng ngừa, chủ động ứng phó với nguy cơ trước khi nó xảy ra.  2. "Thần là kẻ thiếp hèn mọn, tên tự Bích Châu, lúc nhỏ sinh ở bồng môn, khi lớn được hầu nơi tiêu thất":  - Điển cố: "Bồng môn": Nơi sinh của vua Nghiêu; "Tiêu thất": Nơi vua Thuấn trị vì.  - Ý nghĩa: Bích Châu tự nhận mình là người thấp kém, không đáng kể, nhưng đã từng được vua Nghiêu, vua Thuấn trọng dụng.   1. "Xin bày tỏ mười điều băn khoăn tấc dạ"   - Điển cố: "Mười điều" là mười điều tấu sớ của Trình Diên trong "Hán thư".  - Ý nghĩa: Bích Châu muốn bày tỏ mười điều quan tâm, lo lắng của mình về việc cai trị đất nước.  *4. Các điển cố khác: "Nén kẻ quyền thần": "Phạt Trụ diệt Khương" trong "Sử ký"; "Thải bớt kẻ nhũng lạm":"Trừ gian diệt bạo" trong "Sử ký"; "Cổ động Nho phong":"Nhân nghĩa lễ trí tín" trong "Tứ thư"; "Mở đường cho người nói thẳng":"Can gián" trong "Sử ký"; "Cách kén quân": "Kén tướng" trong "Tôn Tử binh pháp".; "Trận pháp cốt cho tề chỉnh": "Binh pháp" trong "Tôn Tử binh pháp",…*  **\* Bài tập 2: (Ngữ Văn 12, Tập 1, tr.114)**  ***- Tác dụng của việc dùng điển cố trong đoạn văn***  1. Tăng tính biểu cảm  - Việc sử dụng các điển cố như "bến Đố Phụ", "Tiêm Đài", "hồng nhan bạc phận", "hồn tinh vệ", "phú Li tao" giúp tô đậm nỗi buồn, sự tủi nhục và khao khát được giải thoát của Bích Châu.  - Các điển cố này cũng góp phần thể hiện tâm trạng bi thương, sầu uất của nhân vật.  2. Tăng tính thuyết phục  - Việc sử dụng các điển cố lịch sử như "Trần Duệ Tông", "nước Sở" giúp tăng tính xác thực cho lời nói của Bích Châu.  - Các điển cố này cũng thể hiện hiểu biết của Bích Châu về lịch sử và văn hóa, khiến lời nói của nàng thêm uy tín.  3. Tăng tính nghệ thuật  -Việc sử dụng các điển cố giúp cho đoạn văn thêm trau chuốt, mượt mà và giàu sức gợi.  - Các điển cố này cũng góp phần tạo nên sự uy nghiêm, trang trọng cho lời tâu của Bích Châu.  4. Thể hiện ý đồ của tác giả  -Việc sử dụng các điển cố giúp Đoàn Thị Điểm thể hiện sự đồng cảm với số phận bi thảm của Bích Châu.  - Tác giả cũng muốn mượn lời Bích Châu để lên án chiến tranh phi nghĩa và ca ngợi lòng yêu nước của nhân vật.  **\* Bài tập 2: (Ngữ Văn 12, Tập 1, tr.115)**  *- "Hoa quả sơn" và "Thủy Liêm Động" trong đoạn văn là điển cố.*  1. "Hoa quả sơn":  + Điển cố: Tên ngọn núi trong tác phẩm "Tây Du Ký" của Ngô Thừa Ân, là nơi sinh sống của Tôn Ngộ Không.  + Ý nghĩa: Thể hiện đây là một ngọn núi hoang vu, hiểm trở, nơi sinh sống của Hầu vương.  2. "Thủy Liêm Động":  + Điển cố: Tên hang động trong tác phẩm "Tây Du Ký", là nơi ở của Tôn Ngộ Không.  + Ý nghĩa: Thể hiện đây là một hang động bí ẩn, sâu thẳm, ẩn chứa nhiều điều kỳ bí.  *- Tác dụng của việc sử dụng điển cố*  + Tăng tính gợi tả: Giúp người đọc hình dung ra khung cảnh hoang vu, hiểm trở của ngọn núi và hang động.  + Tăng tính biểu cảm: Thể hiện sự e dè, lo lắng của nhân vật khi bước vào nơi hoang vu, bí ẩn.  + Tạo sự liên tưởng: Gợi nhắc người đọc về hình ảnh Tôn Ngộ Không - một nhân vật dũng cảm, thông minh, đại náo thiên cung.  + Làm cho đoạn văn hàm súc, ý nghĩa: Gợi cho người đọc suy nghĩ về cuộc phiêu lưu đầy thử thách của nhân vật. |

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ VIỆC**

**VAY MƯỢN - CẢI BIẾN - SÁNG TẠO TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**Yêu cầu của bài học**

- Giới thiệu chung về tác phẩm được lựa chọn; mối quan hệ giữa tác phẩm đó với tác phẩm mà nó đã chịu ảnh hưởng.

- Chỉ ra và phân tích được các phương diện, khía cạnh chủ yếu của sự tiếp nhận, chịu ảnh hưởng,…trong tác phẩm.

- Chỉ ra và phân tích được những điểm cách tân, sáng tạo của tác giả khi tiếp nhận ảnh hưởng từ tác phẩm khác.

- Đánh giá giá trị của tác phẩm xét trên phương diện tiếp nhận và sáng tạo dựa vào các dẫn chứng cụ thể.

**Tiến trình hoạt động**

***\* Hoạt động Hình thành kiến thức mới***

**\*Thao tác 1: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

1. **Mục tiêu**

- HS biết cách phân tích bài viết tham khảo để nhận diện kiểu bài viết sẽ thực hành.

- Nắm được cách triển khai các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản. Từ đó rút ra những kĩ năng trình bày bài văn nghị luận.

1. **Nội dung**

- HS làm việc theo nhóm, thảo luận.

- GV quan sát, tư vấn và hướng dẫn HS nhận biết vấn đề và trình bày

1. **Sản phẩm học tập**

Kết quả làm việc của học sinh.

1. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - Gv yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và Thảo luận nhóm (03 HS) thực hiện theo các yêu cầu  ***Bước 2: HS thực hiện yêu cầu***  - HS làm việc nhóm để trả lời các câu hỏi.  Bước 3: ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV gọi các HS đại diện các nhóm trình bày kết quả. Các HS khác theo dõi, đánh giá nhận xét và bổ sung.  ***Bước 4:Đánh giá sản phẩm***  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận như dự kiến sản phẩm. | 1. **Phân tích bài viết tham khảo**   ***Câu 1:***  Theo tác giả bài viết, trong truyện ngắn Sự tích những ngày đẹp trời, Hòa Vang đã kế thừa và làm biến đổi những phương diện cơ bản nào của mẫu gốc  **\* Trả lời**  - Theo bài viết "Mẫu gốc Sơn Tinh Thủy Tinh và sáng tạo của Hòa Vang trong truyện ngắn Sự tích những ngày đẹp trời", tác giả Hòa Vang đã kế thừa và làm biến đổi những phương diện cơ bản sau của mẫu gốc:  \* Kế thừa  - Cốt truyện: Giữ nguyên cốt truyện chính của truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh.  + Vua Hùng thứ 18 kén rể cho công chúa Mỵ Nương.  + Sơn Tinh và Thủy Tinh đều đến cầu hôn.  + Lễ vật và cuộc thi tài giữa hai vị thần.  + Thủy Tinh thua cuộc, dâng nước đánh Sơn Tinh.  + Sơn Tinh chiến thắng, bảo vệ bờ cõi.  - Nhân vật: Giữ nguyên các nhân vật chính: Sơn Tinh, Thủy Tinh, Mỵ Nương, vua Hùng.  - Motif: Sử dụng các mô típ quen thuộc trong truyền thuyết như: "con vua lấy chồng"; "thử thách tài năng"; "thiện - ác",…  \* Biến đổi  - Nhân vật  + Sơn Tinh: được miêu tả chi tiết, sinh động hơn, thể hiện rõ phẩm chất anh hùng: mạnh mẽ, quyết đoán, tài năng.  + Thủy Tinh: không còn là vị thần hung bạo, chỉ biết dùng vũ lực mà trở thành một người tình si, yêu say đắm Mỵ Nương.  + Mỵ Nương: được khắc họa nội tâm phức tạp, thể hiện sự thương cảm cho Thủy Tinh.  \* Cốt truyện  - Bổ sung các chi tiết mới  + Lý do Mỵ Nương chọn Sơn Tinh: vì yêu mến phẩm chất của chàng.  + Nỗi đau khổ của Thủy Tinh sau khi thua cuộc.  + Hành động của Mỵ Nương để hàn gắn mối quan hệ giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.  + Thay đổi kết thúc: Không còn là cuộc chiến triền miên giữa hai vị thần mà hướng đến sự hòa giải, dung hòa.  \* Chủ đề  - Bên cạnh chủ đề ca ngợi sức mạnh và trí tuệ của con người, tác phẩm còn đề cao tình yêu thương, sự thấu hiểu và tinh thần hòa hợp.  \* Nhận xét  + Sự kế thừa và biến đổi của Hòa Vang trong "Sự tích những ngày đẹp trời" đã góp phần tạo nên một tác phẩm mới mẻ, độc đáo, mang đậm dấu ấn cá nhân của tác giả. Truyện ngắn không chỉ giữ gìn được giá trị truyền thống mà còn thể hiện những quan niệm mới mẻ về tình yêu, cuộc sống và con người.  + Ngoài ra, bài viết còn đề cập đến một số sáng tạo khác của Hòa Vang:   * Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu trữ tình, lãng mạn. * Mô tả thiên nhiên sinh động, giàu sức gợi tả. * Lồng ghép các chi tiết hiện thực vào tác phẩm.   **Câu 2:** Khi bàn về sự “biến đổi” của nhân vật ở truyện ngắn so với nhân vật ở “mẫu gốc”. theo bạn, tác giả bài viết đã có những phát hiện mới mẻ nào?  **\* Trả lời**  - Tác giả bài viết đã có những phát hiện mới mẻ sau đây về sự biến đổi của nhân vật trong truyện ngắn "Sự tích những ngày đẹp trời" so với "mẫu gốc":  1. Thủy Tinh  *- Từ vị thần hung bạo, độc ác trở thành một người tình si*  + Tác giả tập trung khai thác nội tâm của Thủy Tinh, thể hiện tình yêu sâu sắc, say đắm của chàng dành cho Mỵ Nương.  + Thủy Tinh không cam chịu thất bại, dâng nước đánh Sơn Tinh là hành động của một người đang yêu cuồng nhiệt, muốn giành lại người mình yêu.  *- Nỗi đau khổ sau khi thua cuộc*  + Thủy Tinh không chỉ ghen tuông, tức giận mà còn chìm trong nỗi buồn, sự thất vọng và tuyệt vọng.  + Nỗi đau của Thủy Tinh được miêu tả một cách tinh tế, khiến người đọc cảm thông cho nhân vật này.  2. Mỵ Nương  *- Từ một công chúa chỉ biết tuân theo mệnh lệnh vua cha trở thành một người phụ nữ có nội tâm phức tạp*  + Mỵ Nương yêu mến Sơn Tinh vì phẩm chất của chàng, nhưng cũng thương cảm cho Thủy Tinh.  + Nàng phải chịu đựng sự giày vò nội tâm khi đứng giữa hai người đàn ông.  *- Hành động hàn gắn mối quan hệ giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh*  + Mỵ Nương chủ động tìm đến Thủy Tinh, khuyên nhủ chàng buông bỏ mối thù.  + Hành động của Mỵ Nương thể hiện mong muốn hòa bình, dung hòa giữa hai vị thần.  3. Sơn Tinh  - Được miêu tả chi tiết, sinh động hơn:  + Tác giả khắc họa rõ hình ảnh Sơn Tinh mạnh mẽ, quyết đoán, tài năng, là người anh hùng bảo vệ bờ cõi.  + Sơn Tinh cũng là một người chồng yêu thương, quan tâm đến vợ.  - Ngoài ra, tác giả bài viết còn có những phát hiện mới mẻ về:  -Chủ đề tác phẩm  + Không chỉ ca ngợi sức mạnh và trí tuệ của con người, tác phẩm còn đề cao tình yêu thương, sự thấu hiểu và tinh thần hòa hợp.  - Nghệ thuật:  + Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu trữ tình, lãng mạn.  + Mô tả thiên nhiên sinh động, giàu sức gợi tả.  + Lồng ghép các chi tiết hiện thực vào tác phẩm.  \* Kết luận  Bài viết đã có những phát hiện mới mẻ về sự biến đổi của nhân vật trong truyện ngắn "Sự tích những ngày đẹp trời" so với "mẫu gốc". Những phát hiện này góp phần làm sáng tỏ ý đồ sáng tác của tác giả, đồng thời giúp người đọc hiểu sâu hơn về tác phẩm.  **Câu 3:** Nêu nhận xét ngắn gọn về cách đánh giá của tác giả bài viết đối với những điểm sáng tạo của Hòa Vang trong việc biến đổi các yếu tố kì ảo.  **\* Trả lời**  **-** Tác giả bài viết đánh giá cao những điểm sáng tạo của Hòa Vang trong việc biến đổi các yếu tố kì ảo trong truyện ngắn "Sự tích những ngày đẹp trời". Tác giả đã nhận định những điểm sáng tạo.  1. Biến đổi các chi tiết kì ảo  - Hợp lí hóa các chi tiết kì ảo  + Giải thích nguồn gốc sức mạnh của Sơn Tinh và Thủy Tinh.  - Kết hợp hài hòa giữa yếu tố kì ảo và hiện thực  + Miêu tả tâm lí nhân vật bằng ngôn ngữ hiện đại.  2. Tạo ra những chi tiết kì ảo mới  - Phục vụ cho mục đích sáng tạo của tác giả  + Chi tiết Mỵ Nương gặp Thủy Tinh sau khi chàng thua cuộc.  - Làm cho tác phẩm thêm phong phú, hấp dẫn  + Chi tiết giấc mơ của Mỵ Nương.  3. Sử dụng các yếu tố kì ảo để thể hiện chủ đề tác phẩm  - Ca ngợi tình yêu thương, sự thấu hiểu và tinh thần hòa hợp  + Chi tiết Mỵ Nương khuyên nhủ Thủy Tinh.  - Thể hiện quan niệm mới mẻ về con người và cuộc sống  + Con người không chỉ cần sức mạnh mà còn cần tình yêu thương.  **Câu 4**  *- Kinh nghiệm về kĩ năng viết bài văn*  1. Về kiến thức  - Nắm vững khái niệm: tiếp thu, cải biến, sáng tạo.  - Hiểu rõ mối quan hệ giữa tiếp thu, cải biến và sáng tạo.  - Nắm được các phương pháp tiếp thu, cải biến và sáng tạo trong sáng tác văn học.  - Hiểu được vai trò của tiếp thu, cải biến, sáng tạo trong việc tạo nên giá trị của tác phẩm văn học.  2. Về kỹ năng  - Kỹ năng phân tích  + Phân tích được những yếu tố được tiếp thu, cải biến và sáng tạo trong tác phẩm.  + Phân tích được tác dụng của những yếu tố đó đối với nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.  - Kỹ năng so sánh  + So sánh những điểm giống nhau và khác nhau giữa các tác phẩm về cách tiếp thu, cải biến, sáng tạo.  + So sánh tác phẩm với "mẫu gốc" (nếu có) để làm rõ sự sáng tạo của tác giả.  - Kỹ năng lập luận  + Lập luận chặt chẽ, logic để chứng minh cho luận điểm của mình.  + Sử dụng dẫn chứng cụ thể, sinh động để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Kỹ năng diễn đạt  + Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, trôi chảy.  + Sử dụng ngôn ngữ chính xác, phù hợp với ngữ cảnh.  3. Về phương pháp  - Phương pháp so sánh đối chiếu  + So sánh tác phẩm với "mẫu gốc" hoặc với các tác phẩm khác cùng thể loại.  - Phương pháp phân tích tổng hợp:  + Phân tích các yếu tố được tiếp thu, cải biến và sáng tạo trong tác phẩm.  - Phương pháp lập luận logic  + Lập luận chặt chẽ, logic để chứng minh cho luận điểm của mình. |

**\* Thao tác 2: Thực hành viết theo các bước**

1. **Mục tiêu**

- HS biết cách chuẩn bị các khâu cho bài viết (lựa chọn tác phẩm; sắp xếp ý tưởng,…).

- HS biết tìm ý và lập dàn ý cho bài văn nghị luận về việc vay mượn-cải biến-sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

- HS biết thực hiện bài viết và chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết theo đề cương đã xác lập.

1. **Nội dung**

- Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

1. **Sản phẩm học tập**

**-** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Thao tác 1: Tìm hiểu chuẩn bị viết Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  *-* GV yêu cầu HS tìm hiểu phần chuẩn bị viết ở SGK:  + Lựa chọn tác phẩm có vay mượn - cải biến - sáng tạo.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc cá nhân để nắm được các yêu cầu chuẩn bị.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *-* HS trình bày kết quả làm việc  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS đánh giá, trao đổi , bổ sung để hoàn thiện | **\* Chuẩn bị viết**  - Lựa chọn tác phẩm  + Một tác phẩm thơ, truyện thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết có biểu hiện vay mượn- cải biến (tiếp nhận-sáng tạo), so với tác phẩm có trước.  + Sắp xếp các dẫn chứng thông qua lập biểu khảo sát.  + Xác định phạm vi nội dung và trọng tâm của bài viết. Đặt nhan đề bài viết.  - Một số tác phẩm:  + Vay mượn từ tác phẩm văn học dân gian: Truyện truyền kì;  + Truyện thơ: Truyện Kiều  + Tác phẩm sử dụng điển cố: Chinh phụ ngâm (Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm). |
| ***\* Thao tác 2: Tìm ý, lập dàn ý***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  *-* GV yêu cầu HS tìm hiểu phần tìm ý, lập dàn ý ở SGK.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc cá nhân đưa ra sự lựa chọn của riêng mình.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *-* HS hoàn thành vào giấy để chuẩn bị cho bài viết của mình.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV quan sát, bổ sung, góp ý (nếu cần) | **\* *Tìm ý và lập dàn ý***  **Tìm ý**  - Thông tin chung  + Nhan đề, thể loại, tác giả, ý nghĩa tác phẩm “nguồn” và tác phẩm chịu ảnh hưởng.  - Xác định sự tiếp nhận (vay mượn, cải biến) trên các phương diện  + Thể loại, cốt truyện, điển cố, cảm hứng, quan điểm, phong cách. Xác định phương diện đậm nét nhất.  - Xác định cơ sở của sự tiếp nhận  + Văn hóa, lịch sử, địa lí,…  - Tác dụng, ý nghĩa của sự cải biến, cách tân.  - Đánh giá về mức độ, phạm vi, tính chất của sự vay mượn.  **Lập dàn ý**  *- Mở bài*  + Giới thiệu ngắn gọn các thông tin về tác giả, tác phẩm, trọng tâm vấn đề (khía cạnh nào của sự vay mượn - biến đổi) mà bài viết bàn luận.  -*Thân bài* (Cần thực hiện các ý sau)  + Nhận diện về phạm vi, tính chất của việc tiếp nhận, chịu ảnh hưởng.  + Phân tích, đánh giá sự vay mượn, tiếp nhận, chịu ảnh hưởng trên các phương diện cụ thể.  + Phân tích, đánh giá những biến đổi, sáng tạo của tác giả trong quá trình vay mượn.  - *Kết bài*  + Ý nghĩa của việc tìm hiểu về sự vay mượn và biến đổi trong tác phẩm. Nêu hướng khám phá, tìm tòi tiếp theo. |
| ***\* Thao tác 3, 4: Viết và chỉnh sửa, hoàn thiện***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  *-* GV yêu cầu HS thực hành viết bài văn nghị luận về việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc cá nhân đưa ra sự lựa chọn của riêng mình.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *-* HS hoàn thành vào giấy để chuẩn bị cho bài viết của mình.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV tổ chức đánh giá bài viết của học để bổ sung và hoàn thiện. | **\* Viết**  .+ Triển khai các ý thành một hoặc một vài đoạn văn. Chú ý sự phù hợp về dung lượng (độ dài) của ý chính (vay mượn - biến đổi) và các ý phụ.  + Hệ thống dẫn chứng (trích dẫn, số liệu thống kê,…) gắn với từng luận điểm cần rõ ràng, xác đáng. Biết trích dẫn ý kiến từ các tài liệu tham khảo một cách hợp lí, trình bày theo đúng quy định.  + Tổ chức liên kết hệ thống ý một cách chặt chẽ.  + Lựa chọn từ ngữ thích hợp, nhất là hệ thống các từ ngữ thể hiện sự so sánh, đánh giá.  **\* Chỉnh sửa, hoàn thiện**  - Đọc lại và kiểm tra bài viết cẩn thận, từ chỉnh thể văn bản đến hệ thống ý và câu văn. Bám sát yếu cầu cụ thể của kiểu bài.  - Kiểm tra tính logic của mạch ý đã triển khai; tính hợp lí của dẫn chứng; sự khách quan trong bàn luận, so sánh, đánh giá,… về mức độ vay mượn, tiếp thu, sáng tạo của tác giả.  - Rà soát, chỉnh sửa các lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; kiểm tra sự liên kết giữa các câu trong đoạn và giữa các đoạn trong bài viết. |

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY VỀ VIỆC**

**VAY MƯỢN - CẢI BIẾN - SÁNG TẠO TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**Yêu cầu cần đạt**

- Giới thiệu ngắn gọn những thông tin chính về vấn đề được chọn: tác phẩm, tác giả; nội dung được đặt ra liên quan đến chủ đề bài nói.

- Lựa chọn được một hoặc một vài phương diện nổi bật cảu sự vay mượn trong tác phẩm (cốt truyện, nhân vật, tình tiết,…) để phân tích, qua đó, nêu những phát hiện về sự vay mượn - cải biến - sáng tạo của tác giả so với “nguyên mẫu”.

- Đánh giá chúng về ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong bài nói.

**TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

1. **Mục tiêu**

- HS biết chuẩn bị các vấn đề cho một bài nói: lựa chọn đề tài, tìm ý và sắp xếp ý.

- HS nhận biết và vận dụng ngôn ngữ cần có để thực hiện bài nói, biết kết hợp giữa phương tiên ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để bài nói được hấp dẫn hơn.

- HS biết nghe và trao đổi với người nói để bài nói sinh động và thấu đáo vấn đề.

1. **Nội dung**

- HS làm việc cá nhân.

- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

1. **Sản phẩm học tập**

- Kết quả làm việc của HS.

1. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Thao tác 1: Chuẩn bị thảo luận***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc nhóm để thống nhất vấn đề.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *-* HS trình bày vấn đề theo yêu cầu của GV.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV bổ sung và hoàn thiện.  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  *-* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân *(ghi vào giấy dàn ý nói)* và trình bày ý kiến. | 1. **Chuẩn bị nói**   ***- Lựa chọn đề tài***  + Đề tài có thể là đề tài đã thực hiện ở phần ***Viết.***  ****- Tìm ý và sắp xếp ý****  **+ Xác định nội dung bài nói:Tác giả, tác phẩm.**  **+ Sự ảnh hưởng từ tác phẩm khác. Xác định các căn vứ có quan hệ vay mượn - cải biến.**  **+ Những phương diện ảnh hưởng: ngôn ngữ, thể loại, trào lưu, phương pháp, thủ pháp,…**  **+ Nêu các biểu hiện chính của việc vay mượn. Đánh giá mức độ, tính chất vay mượn.**  **+ Nêu những sáng tạo nổi bật khi tiếp nhận ảnh hưởng và vay mượn chất liệu cho tác phẩm của mình.**  **+ Bối cảnh văn học của việc vay mượn-cải biến-sáng tạo.** |
| **\* Thao tác 2: Tổ chức trình bày (nói)**  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  *-* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân *(ghi vào giấy dàn ý nói)* và thực hành nói.  - HS chọn đề tài nào sẽ trình bày bài nói về đề tài đó.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc cá nhân  - GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *-* HS thực hiện nói và nghe  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV tổ chức đánh giá bài viết của học để bổ sung và hoàn thiện | 1. ****Thực hành nói****   ****- Nói theo dàn ý****  ****+** *Mở đầu:* Giới thiệu vấn đề trình bày, đối tượng và phạm vi nội dung sẽ được đề cập.**  **+ *Triển khai:* Lần lượt trình bày các luận điểm chính, phối hợp nhịp nhàng giữa lời nói và nội dung ở các phương tiện hỗ trợ (máy chiếu, Tivi) qua các ứng dụng phần mềm.**  ***+ Kết luận:* Tóm lược vấn đề đã trình bày; nêu nhận định, đánh giá khái quát về sự vay mượn-cải biến-sáng tạo của tác giả; ý nghĩa, giá trị thực tế của việc vay mượn-cải biến-sáng tạo được thể hiện trong tác phẩm.** |

1. ****Trao đổi, đánh giá****

****- *Người nghe*****

**+ Đánh giá về tính hệ thống, hợp lí của vấn đề mà bài trình bày đề cập.**

**+ Sự hấp dẫn của vấn đề vay mượn - cải biến - sáng tạo được bài trình bày lựa chọn.**

**+ Trao đổi về nội dung, mức độ thuyết phục của bài trình bày, những điểm cần làm rõ, những điểm cần rút kinh nghiệm,…**

**+ Nhận xét về sự chuẩn bị, cách trình bày của người nói.**

*****- Người nói*****

**+ Trao đổi về các góp ý, đề nghị,…của người nghe theo đúng trọng tâm. Xem đây là cơ hội để giải thích thêm các ý tưởng mà bài trình bày của mình chưa thể hiện hết.**

**+ Đặt ra các câu hỏi đối với người đối thoại, nhằm mục đích hướng tới nhận thức hợp lí nhất về những vấn đề, phương diện cùng quan tâm.**

**+ Với những vấn đề, phương diện cnf có cách hiểu, cách xử lí khác nhau, cần ghi nhớ để xin ý kiến gợi ý, giải đáp từ chuyên gia.**

**THỰC HÀNH ĐỌC (Tự đọc có hướng dẫn)**

**BẾN TRẦN GIAN**

**(Trích - Lưu Sơn Minh)**

**Yêu cầu cần đạt**

- HS biết vận dụng kiến thức kĩ năng vừa học để đọc mở rộng một tác phẩm có chứa yếu tố kì ảo.

- HS nắm được ý nghĩa của biểu tượng trong tác phẩm, đồng thời hiểu được suy tư của tác giả về đời sống tâm linh khi từng trải qua nhiều mất mát vì chiến tranh.

- HS nhận biết và phân tích được yếu tố kì ảo và tác dụng của việc sử dụng yếu tố này.

**Tiến trình hoạt động**

**\* Hình thành kiến thức mới**

1. **Mục tiêu**

- HS hiểu được nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn hiện đại có sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và yếu tố ảo.

- HS nhận biết và phân tích đượcnhững suy tư, thông điệp mà tác giả gửi gắm.

1. **Nội dung**

- HS làm việc cá nhân

- GV kiểm tra, đánh giá kết quả làm việc của học sinh

1. **Sản phẩm học tập**

- Kết quả làm việc của HS

1. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***

*-* GV yêu cầu HS đọc văn bản và hoàn thành *Phiếu học tập*  (**ở nhà)**.

***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***

- HS làm việc cá nhân

- GV hướng dẫn, trao đổi với HS thông qua nền tảng cộng nghệ số.

***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*-* HS gửi kết quả làm việc qua Phiếu học tập cho GV kiểm tra, đánh giá

***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập**  **Thực hành đọc BẾN TRẦN GIAN**  **Lưu Sơn Minh**  **Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của tác phẩm** |
| **Câu 1:** Ý nghĩa biểu tượng của bến trần gian  ….……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **Câu 2:** Suy tư của tác giả về đời sống tâm linh của con người từng trải qua nhiều mất mát vì chiến tranh  ….……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **Câu 3:** Yếu tố kì ảo trong truyện ngắn và tác dụng của việc sử dụng yếu tố này  ….………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**THÔNG TIN PHẢN HỒI PHIẾU HỌC TẬP**

**Câu 1:** Ý nghĩa biểu tượng của bến trần gian.

***\* Gợi ý***

*1. Bến trần gian - không gian đặc biệt*

- Bến là nơi gặp gỡ, chia ly, là ranh giới giữa hai thế giới: hiện tại và vĩnh hằng.

- Bến trần gian là nơi con người gặp gỡ, trò chuyện với những người lính đã hy sinh.

- Không gian bến mang đậm màu sắc huyền ảo, linh thiêng.

*2. Bến trần gian - biểu tượng cho cuộc đời*

- Bến là nơi con người trải qua muôn vàn cung bậc cảm xúc: vui, buồn, sướng, khổ.

- Bến là nơi con người đối mặt với những thử thách, gian nan.

- Bến là nơi con người học cách trưởng thành, vượt qua chính mình.

*3. Bến trần gian - biểu tượng cho sự hy sinh*

- Bến là nơi ghi dấu những hy sinh thầm lặng của những người lính.

- Bến là nơi tưởng nhớ, tri ân những người đã ngã xuống vì độc lập tự do.

- Bến là lời nhắc nhở về trách nhiệm của thế hệ sau đối với những người đã khuất.

*4. Bến trần gian - biểu tượng cho niềm tin vào cuộc sống*

- Bến là nơi con người tìm thấy sự đồng cảm, chia sẻ.

- Bến là nơi con người tiếp thêm sức mạnh cho nhau để vượt qua khó khăn.

- Bến là nơi con người giữ gìn niềm tin vào cuộc sống tốt đẹp.

*5. Bến trần gian - biểu tượng cho sự bất tử*

- Bến là nơi con người gặp gỡ những người đã khuất, nhưng họ vẫn sống trong lòng mọi người.

- Bến là nơi con người gửi gắm niềm tin vào sự bất tử của tâm hồn.

- Bến là nơi con người hướng đến một tương lai tốt đẹp.

* Bến trần gian là một hình ảnh ẩn dụ đầy ý nghĩa, thể hiện quan niệm về cuộc sống, về sự hy sinh và niềm tin vào tương lai của con người. Bến là nơi con người gặp gỡ, chia ly, trải qua muôn vàn cung bậc cảm xúc, đối mặt với thử thách và học cách trưởng thành. Bến là nơi tưởng nhớ những người đã hy sinh và nhắc nhở thế hệ sau về trách nhiệm của mình. Bến là nơi con người tìm thấy sự đồng cảm, chia sẻ và tiếp thêm sức mạnh cho nhau. Bến là nơi con người giữ gìn niềm tin vào cuộc sống tốt đẹp và hướng đến một tương lai tươi sáng.

**Câu 2:** Suy tư của tác giả về đời sống tâm linh của con người từng trải qua nhiều mất mát vì chiến tranh

**\* Gợi ý**

- Suy tư của tác giả Lưu Minh Sơn trong văn bản "Bến trần gian" về đời sống tâm linh của con người từng trải qua nhiều mất mát vì chiến tranh

*1. Nỗi ám ảnh về chiến tranh*

- Chiến tranh đã để lại những vết thương lòng sâu sắc cho con người, đặc biệt là những người lính.

- Họ phải chứng kiến sự hy sinh của đồng đội, người thân, và bản thân họ cũng phải chịu đựng những đau đớn về thể xác và tinh thần.

- Nỗi ám ảnh về chiến tranh khiến họ luôn sống trong lo âu, sợ hãi và dằn vặt.

*2. Nỗi khát khao bình yên*

- Sau chiến tranh, con người khao khát được sống trong hòa bình, được hàn gắn những vết thương lòng và xây dựng lại cuộc sống.

- Họ mong muốn được sum họp bên gia đình, được yêu thương và chia sẻ.

- Nỗi khát khao bình yên là động lực để con người vượt qua những khó khăn và tiếp tục sống.

*3. Niềm tin vào cuộc sống*

- Mặc dù trải qua nhiều mất mát, con người vẫn giữ niềm tin vào cuộc sống.

- Họ tin rằng cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn, và họ sẽ có cơ hội để bù đắp những gì đã mất.

- Niềm tin vào cuộc sống giúp con người có thêm sức mạnh để vượt qua những thử thách và hướng đến tương lai.

*4. Lòng vị tha và sự bao dung*

- Sau chiến tranh, con người có xu hướng vị tha và bao dung hơn.

- Họ sẵn sàng tha thứ cho những lỗi lầm của người khác và giúp đỡ những người gặp khó khăn.

- Lòng vị tha và sự bao dung giúp con người xích lại gần nhau hơn và cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

*5. Suy tư về kiếp nhân sinh*

- Chiến tranh khiến con người suy ngẫm về kiếp nhân sinh, về giá trị của cuộc sống.

- Họ nhận ra rằng cuộc sống ngắn ngủi và quý giá, và họ cần trân trọng từng khoảnh khắc hiện tại.

- Suy tư về kiếp nhân sinh giúp con người sống có ý nghĩa hơn và biết yêu thương cuộc sống hơn.

* Tác phẩm "Bến trần gian" thể hiện những suy tư sâu sắc của tác giả Lưu Minh Sơn về đời sống tâm linh của con người từng trải qua nhiều mất mát vì chiến tranh. Qua tác phẩm, tác giả ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người như lòng dũng cảm, sự hy sinh, niềm tin vào cuộc sống và lòng vị tha. Đồng thời, tác giả cũng bày tỏ mong muốn về một thế giới hòa bình và hạnh phúc.

**Câu 3:**Yếu tố kì ảo trong truyện ngắn và tác dụng của việc sử dụng yếu tố này.

**\* Gợi ý**

*- Yếu tố kì ảo trong truyện ngắn "Bến trần gian" và tác dụng của việc sử dụng yếu tố này*

1. Biểu hiện

+ Hình ảnh những người lính đã hy sinh: họ xuất hiện trong tâm trí của nhân vật "tôi" một cách sinh động, rõ ràng.

+ Bến đò và người lái đò: không gian và nhân vật huyền ảo, mang tính biểu tượng.

+ Những chi tiết kì ảo khác: tiếng sáo diệu kỳ, ánh trăng lung linh, sương giăng mờ ảo...

2. Tác dụng

+ Tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn cho tác phẩm: yếu tố kì ảo khơi gợi trí tưởng tượng của người đọc, khiến họ tò mò và muốn khám phá nội dung tác phẩm.

+ Thể hiện quan niệm về thế giới tâm linh: con người tin vào sự tồn tại của thế giới bên kia, tin vào sự bất tử của linh hồn.

+ Thể hiện niềm tin vào cuộc sống: dù trải qua nhiều mất mát, con người vẫn giữ niềm tin vào tương lai tốt đẹp.

+ Khắc họa nội tâm nhân vật: yếu tố kì ảo giúp thể hiện những suy tư, cảm xúc phức tạp của nhân vật "tôi".

+ Giúp tác giả truyền tải thông điệp: ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người, bày tỏ mong muốn về hòa bình.